TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 250/2021/DS-ST
Ngày 18-11-2021
V/v tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Minh;

2. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trà Thị Thúy Diễm.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ trụ sở: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Nguyễn Ngọc M (theo Giấy ủy quyền số 1852/2020/UQ-TTT ngày 29/12/2020). (có Đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn K, sinh năm 1958; Địa chỉ thường trú: đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2020 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc M trình bày như sau:

Ngày 29/8/2007 ông Trần Văn K có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000đ, loại thẻ là visa, số thẻ là 472075 – 8987, lãi suất áp dụng là 1.75%, mục đích là tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 87.758.923đ. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông K phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 71.767.503đ (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước.

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ.

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông K vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 01/4/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 69.459.581đ làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn K phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 18/11/2021 là 327.761.831đ (Ba trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi mốt ngàn, tám trăm ba mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 69.459.581đ và nợ lãi là 258.302.250đ. Yêu cầu ông K tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 19/11/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

*Bị đơn ông Trần Văn K: vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2020 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng".

Xét, bị đơn ông Trần Văn K có nơi cư trú tại đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Trần Văn K đều vắng mặt. Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc M có Đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Xét, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đề ngày 29/8/2007 và các tài liệu chứng khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định ông Trần Văn K có thỏa thuận với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thanh toán tiền lãi phát sinh và các loại phí có liên quan đến thẻ (theo Điều 22 và 24 của Bản điều khoản và điều hiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Xét, sự thỏa thuận nêu trên giữa ông K và Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.2] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, Bản tóm tắt sao kê cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ có cơ sở xác định sau khi được cấp thẻ tín dụng ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 87.758.923đ. Quá trình sử dụng thẻ tính từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông K đã thanh toán cho Ngân hàng được 71.767.503đ (thứ tự thanh toán được thực hiện theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều hiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 01/4/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18/11/2021, ông K còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 327.761.831đ (Ba trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi mốt ngàn, tám trăm ba mươi mốt đồng) trong đó nợ gốc là 69.459.581đ và nợ lãi là 258.302.250đ.

Xét, việc ông K ngừng thanh toán tiền cho Ngân hàng đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Điều 23 của Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân: *"Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong Trường hợp này, toàn bộ tổng Dư Nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và phải được trả bởi Chủ thẻ; Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thể hiểu và đồng ý rằng Đơn Vị Phát Hành Thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi nợ; Áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với toàn bộ Dự nợ theo quy định của Đơn Vị Phát Hành Thẻ"* nên yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông K trả nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều

18, 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[2.3] Tại Điều 22 và Điều 23 của Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân thì giữa Ngân hàng và ông K có thỏa thuận với nhau về việc *"Đơn Vị Phát Hành Thẻ có quyền sửa đổi tỷ lệ lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình. Chủ Thẻ sẽ được thông báo trước đối với bất kỳ sự thay đổi về tỷ lệ lãi suất"; "Áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Đơn Vị Phát Hành Thẻ".* Xét, việc các bên tự thỏa thuận với nhau về mức lãi suất xuất phát từ sự tự nguyện của các bên, phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo Thông báo số 293/TB-TTT ngày 04/3/2010 về việc thay đổi lãi suất áp dụng cho thẻ tín dụng do Sacombank phát hành thì lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng Sacombank Visa là 1.75%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn là 2.625%/tháng. Như vậy, tổng số tiền ông K phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 18/11/2021 là 327.761.831đ (Ba trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi mốt ngàn, tám trăm ba mươi mốt đồng) trong đó nợ gốc là 69.459.581đ và nợ lãi là 258.302.250đ.

Theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì *"...Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật..."*; *"Mức lãi suất hai bên thỏa thuận hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn"* , nên yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông K phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 19/11/2021 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Văn K trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 18/11/2021 là 327.761.831đ (Ba trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi mốt ngàn, tám trăm ba mươi mốt đồng) trong đó nợ gốc là 69.459.581đ và nợ lãi là 258.302.250đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn K phải chịu số tiền là 16.388.092đ (Mười sáu triệu ba trăm tám mươi tám ngàn không trăm chín mươi hai đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 7.650.092đ (Bảy triệu sáu trăm năm mươi ngàn không trăm chín mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049991 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bảo Ngọc

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Ngọc